TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 03/7/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Trịnh Minh Đức

2. Ông V Tùng Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2024/TLPT-HNGĐ ngày 29/3/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 618/2023/HNGĐ-ST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2821/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 8427/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số C N, Khu phố H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số H T, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn V tự nguyện quen biết nhau từ năm 2015, ngày 11/8/2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2017. Sau khi kết hôn hai bên về chung sống cùng gia đình của bà X tại địa chỉ Số C N, Khu phố H, phường T, Quận A, TP. Hồ Chí Minh từ năm 2017 cho đến tháng 8 năm 2021 thì ông V bỏ về ở nhà cha mẹ ruột tại Quận 4, hiện ông V sống ở đâu thì bà không biết.

Nguyên nhân do thời gian sống chung vợ chồng có mâu thuẫn nhau về tính cách, lối sống và tiền bạc, chồng bà không phụ chăm sóc con và không đưa tiền cho bà lo cho con. Sau khi bỏ đi thì thời gian đầu thì ông V còn liên lạc để thăm con nhưng từ đầu năm 2023 cho đến hiện nay thì ông V hoàn toàn cắt đứt liên lạc với bà. Hai bên đã sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay nên bà không còn tình cảm với ông V nữa, do đó bà yêu cầu tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: bà X và ông V có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Bảo D, sinh 12/7/2021. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà X xác nhận không có.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn V đã được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập lấy lời khai; Thông báo hòa giải và Giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến và lời trình bày.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 618/2023/HNGĐ-ST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim X về việc xin ly hôn ông Nguyễn Tấn V, do đó không xem xét giải quyết về con chung, nợ chung, tài sản chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/12/2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được ly hôn với ông V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X đồng thời là người kháng cáo trình bày: sau khi kết hôn về sống chung một thời gian bà phát hiện ông V là người không lo gia đình, bà có khuyên nhủ và nghĩ khi có con ông V sẽ thay đổi nhưng thực tế sau khi sinh con ông V không thay đổi, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nhưng tự hòa giải, dàn xếp với nhau, không yêu cầu địa phương giải quyết nên chỉ có gia đình hai bên biết vợ chồng có mâu thuẫn còn hàng xóm, chính quyền địa phương, đoàn thể không biết việc vợ chồng bà mâu thuẫn nên bà X không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh vợ chồng bà có mâu thuẫn để cung cấp cho tòa án. Bà và ông V có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo D, sinh 12/7/2021, hơn 1 năm nay ông V không về nhà, con chung do bà nuôi dưỡng. Bà không còn tình cảm với ông V nên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được ly hôn ông V và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung bà xác định không có .

Bị đơn ông Nguyễn Tấn V vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà X: tại phiên tòa phúc thẩm bà X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin ly hôn ông V và trình bày: vợ chồng bà mâu thuẫn do ông V sống thiếu trach nhiệm với gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy, kết quả xác minh tại địa phương thể hiện ông V thực tế không còn sống tại phường M Quận B từ năm 2023 đến nay và không thấy có thông tin xuất nhập cảnh. Xác minh tại phường Tân Phú quận 7 thì ông V sống tại đây từ năm 2021. Bà X khai hơn 1 năm nay ông V không về nhà, bà có nghe nói ông V đi làm ở Sóc Trăng nhưng không biết địa chỉ cụ thể để cung cấp cho tòa án, con chung của vợ chồng sinh năm 2021 còn nhỏ, rất cần bàn tay chăm sóc của cha mẹ, bà X cũng xác định không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông V có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng để cung cấp cho tòa án; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà X, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA Á N:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim X làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về tố tụng: ông V đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 ngày 12/6/2024 nhưng đến thời hạn mở phiên tòa vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày hôm nay và đã tống đạt hợp lệ cho ông V nhưng đến hạn mở phiên tòa ông V tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Kim X và ông Nguyễn Tấn V có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2017 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/8/2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X trình bày do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà có đơn kiện xin ly hôn với ông V tại Tòa án nhân dân quận 4, tuy nhiên yêu cầu xin ly hôn của bà X không được tòa án chấp nhận nên bà X kháng cáo xin được ly hôn.

Xét thấy: Tòa án nhân dân Quận 4 đã có văn bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà X và ông V để có cơ sở giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà X. Kết quả xác minh tại Công an phường T

Quận A và Ủy ban nhân dân phường T Quận A nơi hai bên cư trú thể hiện bà X và ông V từ trước đến nay (tháng 8/2023) có chung sống với nhau tại địa chỉ số C N tổ M, khu phố H, phường T, Quận A, trong quá trình sinh sống hai bên không có xảy ra mâu thuẫn. Con chung của vợ chồng là bé Nguyễn Bảo D sinh năm 2021 hiện do bà X chăm sóc nuôi dưỡng (BL 65, 67). Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường M quận B thể hiện Ủy ban nhân dân phường M Quận B không nhận được hồ sơ hòa giải hôn nhân giữa bà X và ông V (BL 55).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X trình bày hơn 01 năm nay ông V không về nhà nên thời gian này bà nuôi con một mình, ông V không thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình chứng tỏ giữa hai vợ chồng ông V, bà X có sự mâu thuẫn; Tuy nhiên, bà X cũng trình bày vợ chồng bà mâu thuẫn nhau do ông V sống thiếu trách nhiệm với gia đình, còn gây ra nợ nần nhưng đã tự hòa giải, dàn xếp nên địa phương, chính quyền đoàn thể không biết vợ chồng bà có mâu thuẫn như kết quả tòa án xác minh nói trên; ông V vắng mặt nên chỉ có lời khai một phía của bà X đồng thời bà X xác định không có chứng cứ chứng minh vợ chồng bà mâu thuẫn nhau để cung cấp cho tòa án nên không đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà X-ông V, nếu có, đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài hay không nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà X, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn bà X phải chịu;

Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 306 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim X về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X. Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 618/2023/HNGĐ-ST ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X.

- Về quan hệ hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim X về việc xin ly hôn đối với ông Nguyễn Tấn V.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000đ bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án là 300.000đ mà bà X đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0017592 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ bà X đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0034047 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
-Cục THADS TPHCM
- Chi cục THADS Quận 4, TP.HCM;
- TAND Quận 4 TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương